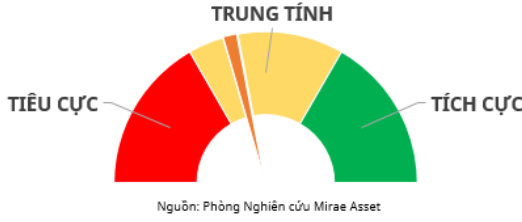


28 Tháng Sáu 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,218.10	1.27	-5.24	-13.35
HNX	283.87	1.23	-8.77	-12.14
UPCOM	89.01	0.98	-6.59	-0.88
MSCI EM	1,027.55	1.62	-1.50	-25.59
NIKKEI	27,049.47	0.66	1.00	-6.88
HANG SENG	22,418.97	0.85	8.32	-23.40
KOSPI	2,422.09	0.84	-8.19	-26.65
FTSE	7,334.30	1.05	-3.31	3.69
S&P 500	3,900.11	-0.30	-6.21	-9.10
NASDAQ	11,524.55	-0.72	-5.00	-20.52

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.26	2.04	15.60
SET INDEX	17.10	1.17	9.17
JCI INDEX	14.90	2.06	13.16
PCOMP INDEX	18.19	1.55	8.96

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.39	-1	0	130
10 năm	3.26	-1	13	104

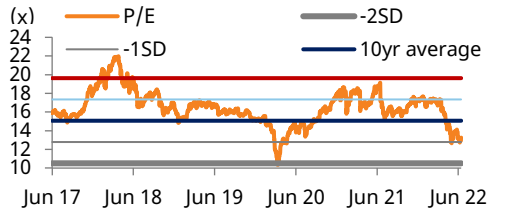
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,253	-0.02	-0.30	-1.02
US\$/KRW	1,284	0.22	-3.47	-11.96
US\$/JPY	136	-0.21	-6.00	-18.50
US\$/EUR	0.94	-0.05	1.82	12.63
US\$/GBP	0.81	-0.09	3.05	13.06
US\$/SGD	1.39	0.03	-1.33	-3.05

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	418	577	939
HNX	43	69	124
UPCOM	31	50	72

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Ngân hàng nổi sóng

Sau phiên phục hồi tốt hôm qua, VN-Index tiếp đà thuận lợi trong phiên giao dịch hôm nay. Mở phiên khá giằng co với áp lực sau phiên tăng điểm, gần như thị trường chỉ giao dịch quanh mốc tham chiếu trong phiên giao dịch buổi sáng. Tuy nhiên, được hỗ trợ bởi thông tin chứng khoán các nước khu vực Châu Á tăng điểm tốt trong ngày, VN-Index tăng tốc mạnh vào phiên chiều và tiếp tục đánh dấu thêm một ngày tăng điểm tốt hơn 1%. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 15,3 điểm, tương ứng với 1,3% và đóng cửa tại 1.218 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 14.425 tỷ đồng, HNX: 1.492 tỷ đồng, UPCOM: 1.018 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm tốt hôm nay với động lực chính từ nhóm Ngân hàng khi gần như tất cả đều đồng loạt tăng mạnh từ 2% đến 6%. Với vốn hóa lớn nhất, việc tăng điểm của nhóm Ngân hàng có đóng góp lớn nhất cho VN-Index và tác động lan tỏa cho các nhóm còn lại có thêm một ngày tăng điểm tốt. Các nhóm hưởng lợi bao gồm Bất động sản, Xây dựng và Dầu khí. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại nhóm Phân bón và Thủy sản bị bị chốt lời mạnh khi giảm sâu từ 3%-5%, và ANV thậm chí rơi xuống giá sàn vào cuối phiên.

Khối ngoại mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay với hơn 170 tỷ đồng, tập trung vào một vài Blue-chip như CTG (106 tỷ) và MSN (63 tỷ).

Phiên tăng điểm tốt với thanh khoản cải thiện giúp điểm số kỹ thuật của VN-Index được cải thiện. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức 0, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,2x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

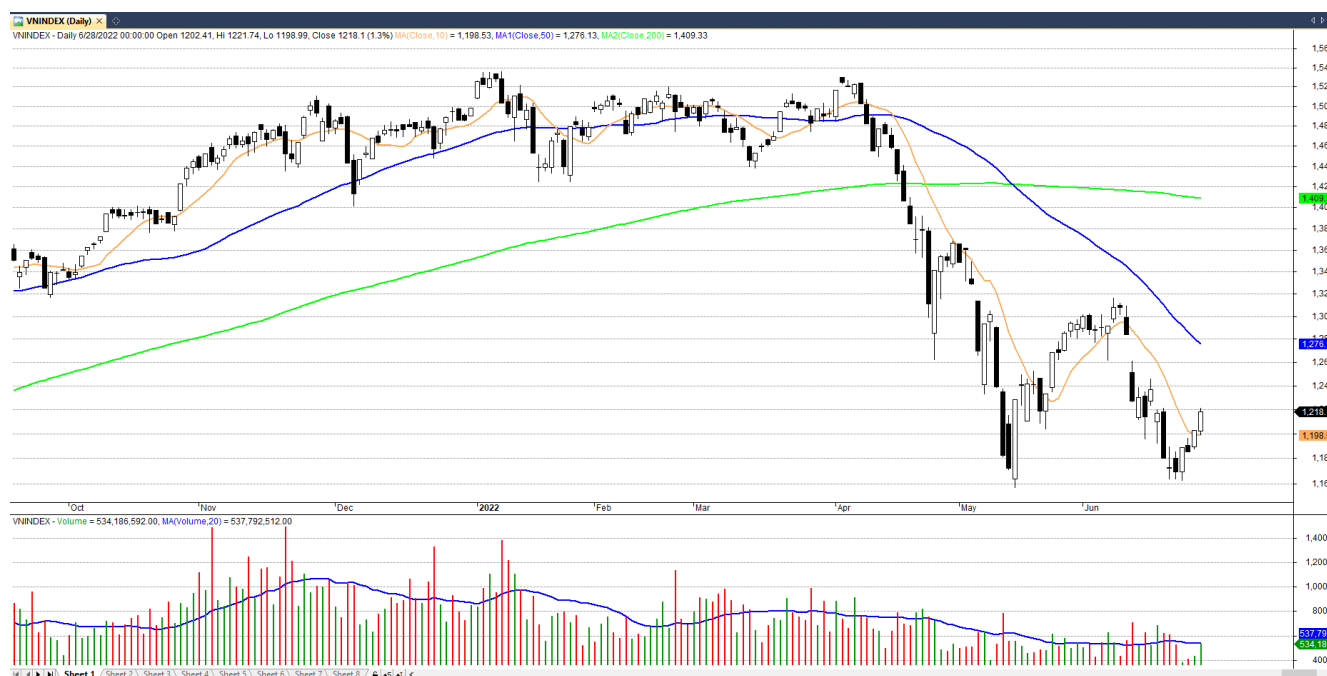
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (28/06/2022)	1.218,1	Kháng cự 1 1.260
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.310
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.160
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.100

Sau khi chạm vùng đáy cũ 1.160, VN-Index đang thể hiện xu hướng phục hồi trong ngắn hạn.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

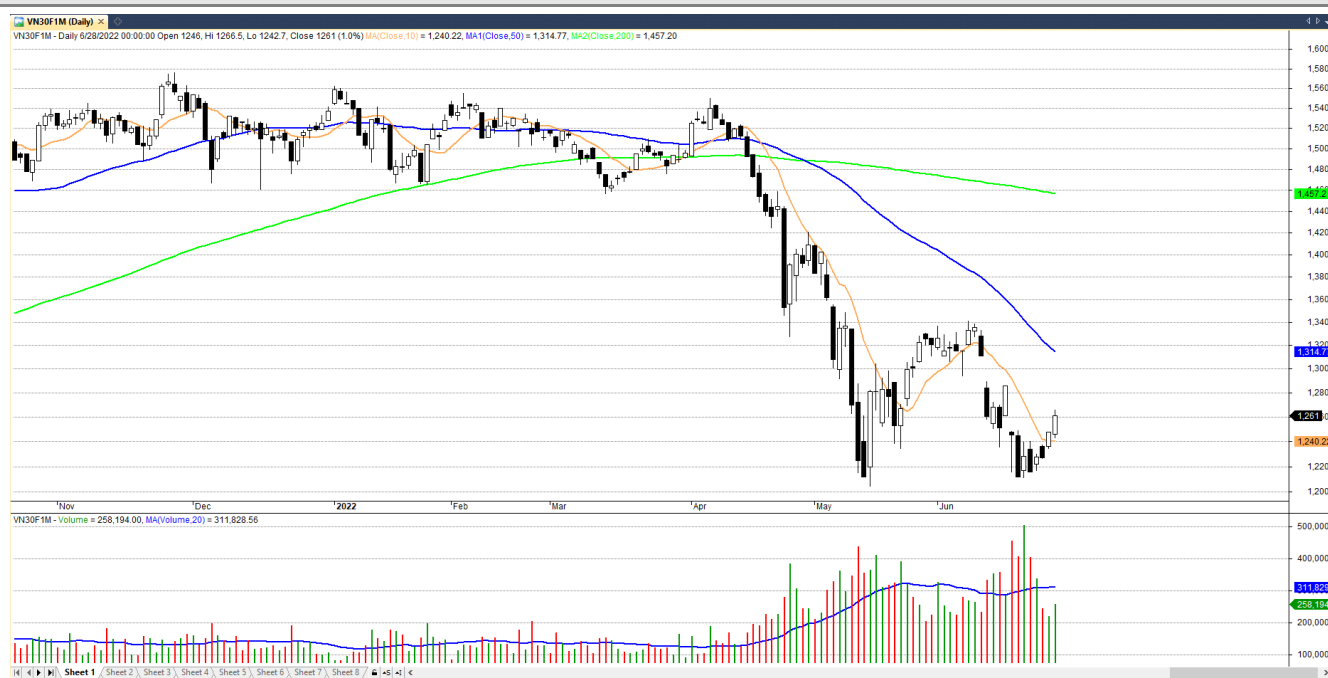
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (28/06/2022)	1.261	Kháng cự 1	1.280
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.330
VN30 - đóng cửa	1.273	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-12,4	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	+2	TRUNG TÍNH

VN30F1M tiếp tục phôi tốt theo cơ sở, khi điểm kỹ thuật intraday đã chuyển sang mức khả quan, chỉ còn điểm kỹ thuật theo ngày còn mức trung tính.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VPI	63.9	1,010,915	6	KHẢ QUAN	14,058	34.7	4.6	65
STB	22.55	14,351,260	5	KHẢ QUAN	42,512	10.8	1.2	324
TCB	36.7	4,925,230	5	KHẢ QUAN	128,851	6.7	1.3	181
IDC	51	2,096,670	5	KHẢ QUAN	16,830	25.6	4.1	107
PDR	53	1,978,930	5	KHẢ QUAN	35,597	19.1	4.9	105
SHB	14.15	6,456,370	5	KHẢ QUAN	37,736	5.9	1.0	91
BID	33.65	1,110,210	5	KHẢ QUAN	170,219	14.8	2.0	37
ORS	16	2,276,495	5	KHẢ QUAN	3,200	#N/A N/A	1.3	36
FLC	5.29	6,844,465	5	KHẢ QUAN	3,756	#N/A N/A	0.4	36
HPG	22.5	23,243,410	4	KHẢ QUAN	130,833	3.9	1.3	523
DXG	21.25	10,046,600	4	KHẢ QUAN	12,910	14.1	1.4	213
PNJ	129.5	1,248,175	4	KHẢ QUAN	31,386	23.8	3.9	162
HAG	8.64	10,990,730	4	KHẢ QUAN	8,013	15.6	1.7	95
VJC	133	691,460	4	KHẢ QUAN	72,034	368.0	4.2	92
HCM	21.25	3,854,715	4	KHẢ QUAN	9,716	8.1	1.3	82
AAA	12	4,063,940	4	KHẢ QUAN	3,917	12.2	0.8	49
HDC	37.8	1,283,440	4	KHẢ QUAN	4,086	12.3	2.7	49
SCR	9.6	4,138,965	4	KHẢ QUAN	3,517	16.8	0.7	40
VPB	30	9,670,655	3	TRUNG TÍNH	133,364	7.7	1.5	290
HUT	27.7	4,131,560	3	TRUNG TÍNH	9,657	52.7	2.4	114
CTG	26.7	3,959,780	3	TRUNG TÍNH	128,314	10.4	1.3	106
KBC	32.45	3,042,100	3	TRUNG TÍNH	24,909	37.5	1.7	99
BVH	56.3	1,602,305	3	TRUNG TÍNH	41,793	22.3	1.9	90
KDC	65	1,234,725	3	TRUNG TÍNH	16,356	26.6	2.5	80
TPB	27.6	2,516,990	3	TRUNG TÍNH	43,656	8.3	1.6	69
ACB	24.5	2,786,510	3	TRUNG TÍNH	82,747	8.0	1.7	68
DBC	20.8	2,167,975	3	TRUNG TÍNH	5,034	10.6	1.1	45
PHR	70	544,910	3	TRUNG TÍNH	9,485	13.8	2.9	38
SBT	16.4	2,270,965	3	TRUNG TÍNH	10,318	14.3	1.2	37
DIG	38.6	8,313,240	2	TRUNG TÍNH	19,296	18.3	2.6	321
NVL	75.1	2,911,305	2	TRUNG TÍNH	146,428	34.6	4.0	219
VCI	35	4,433,705	2	TRUNG TÍNH	11,725	7.2	1.6	155
HSG	16.75	8,679,820	2	TRUNG TÍNH	8,266	2.3	0.7	145
VNM	70.8	1,959,685	2	TRUNG TÍNH	147,969	16.1	4.6	139
NKG	18.2	7,557,490	2	TRUNG TÍNH	4,792	1.9	0.8	138

SHS	14.7	8,344,235	2	TRUNG TÍNH	5,660	4.8	1.1	123
LPB	13.4	7,382,485	2	TRUNG TÍNH	20,148	6.1	1.1	99
VGC	53.5	1,705,635	2	TRUNG TÍNH	23,987	14.6	3.1	91
CII	17.3	4,167,440	2	TRUNG TÍNH	4,363	13.7	0.8	72
VIX	9.61	6,781,910	2	TRUNG TÍNH	5,278	4.7	0.9	65
TCH	11.5	4,186,130	2	TRUNG TÍNH	7,684	15.0	0.9	48
PLX	41.8	1,108,925	2	TRUNG TÍNH	53,111	21.4	2.1	46
GVR	23.5	1,845,885	2	TRUNG TÍNH	94,000	21.4	1.9	43
VIB	22.1	1,780,035	2	TRUNG TÍNH	46,580	6.9	1.8	39
LCG	10.9	3,547,850	2	TRUNG TÍNH	1,879	9.5	0.8	39
VND	18.3	17,374,044	0	TRUNG TÍNH	22,287	5.3	1.4	318
GEX	20.9	11,154,040	0	TRUNG TÍNH	17,796	15.5	1.4	233
MBB	24.7	8,573,255	0	TRUNG TÍNH	93,325	6.8	1.5	212
FPT	89.7	2,329,275	0	TRUNG TÍNH	98,404	20.9	5.1	209
GMD	52.9	3,380,580	0	TRUNG TÍNH	15,943	23.5	2.4	179
FRT	94	1,616,370	0	TRUNG TÍNH	11,136	19.3	6.1	152
CEO	29.9	4,740,500	0	TRUNG TÍNH	7,694	52.4	2.5	142
TNG	31.5	4,078,800	0	TRUNG TÍNH	3,154	11.7	2.2	128
HDG	57	2,219,150	0	TRUNG TÍNH	11,619	11.0	2.5	126
MSN	114	1,011,655	0	TRUNG TÍNH	162,305	16.2	5.9	115
NLG	36.8	2,511,840	0	TRUNG TÍNH	14,092	19.4	1.6	92
HBC	18.1	5,071,125	0	TRUNG TÍNH	4,446	40.4	1.2	92
DGW	120.8	749,615	0	TRUNG TÍNH	10,944	14.1	5.4	91
PVT	21	4,017,415	0	TRUNG TÍNH	6,797	10.1	1.3	84
MIG	25.75	2,113,065	0	TRUNG TÍNH	4,235	16.6	2.3	54
HDB	24.25	1,980,895	0	TRUNG TÍNH	48,796	7.5	1.6	48
PET	37.9	1,089,070	0	TRUNG TÍNH	3,405	11.8	1.8	41
SZC	46.5	824,615	0	TRUNG TÍNH	4,650	16.8	3.3	38
BSR	29.5	21,380,980	-2	TRUNG TÍNH	92,395	14.1	2.5	631
SSI	19.6	16,122,410	-2	TRUNG TÍNH	29,207	6.9	1.4	316
DGC	118.7	2,245,285	-2	TRUNG TÍNH	44,066	13.6	6.0	267
VHC	92	2,313,835	-2	TRUNG TÍNH	16,871	11.0	2.6	213
MWG	72	2,846,120	-2	TRUNG TÍNH	106,558	20.7	4.8	205
GAS	116	1,720,925	-2	TRUNG TÍNH	222,018	22.7	4.1	200
PVD	17.7	9,541,505	-2	TRUNG TÍNH	8,945	157.1	0.6	169
REE	87.6	1,664,965	-2	TRUNG TÍNH	31,133	14.6	2.3	146
ASM	15.4	5,501,170	-2	TRUNG TÍNH	5,183	7.5	1.0	85
BCG	15.5	5,413,305	-2	TRUNG TÍNH	7,801	7.0	1.2	84
NT2	24.8	3,185,135	-2	TRUNG TÍNH	7,139	12.8	1.6	79
VCB	76.6	918,675	-2	TRUNG TÍNH	361,091	15.7	3.1	70
VCG	20.2	3,374,545	-2	TRUNG TÍNH	8,923	10.6	1.3	68
GEG	23.8	2,712,205	-2	TRUNG TÍNH	7,662	21.8	2.2	65
VRE	28.85	1,915,765	-2	TRUNG TÍNH	65,556	72.0	2.1	55
PAN	21.1	2,161,255	-2	TRUNG TÍNH	4,408	12.6	1.0	46
CTR	64	677,110	-2	TRUNG TÍNH	7,321	18.6	5.2	43
KSB	26.2	1,649,315	-2	TRUNG TÍNH	1,999	9.3	1.1	43
GIL	55.1	712,455	-2	TRUNG TÍNH	3,306	6.2	1.4	39
VGT	18.3	2,116,545	-2	TRUNG TÍNH	9,150	11.7	1.3	39

HQC	4.27	9,002,875	-2	TRUNG TÍNH	2,035	250.7	0.5	38
PVC	17.7	2,064,110	-2	TRUNG TÍNH	885	409.7	1.2	37
DPG	52.4	666,090	-2	TRUNG TÍNH	3,301	9.2	2.2	35
FCN	13.5	2,485,400	-2	TRUNG TÍNH	2,125	37.8	0.8	34
POW	13.9	24,526,570	-4	TIÊU CỰC	32,552	16.2	1.1	341
PVS	25.4	12,695,550	-4	TIÊU CỰC	12,140	18.0	1.0	322
VHM	63.8	3,021,860	-4	TIÊU CỰC	277,809	7.3	2.1	193
HAH	69	2,334,430	-4	TIÊU CỰC	4,712	8.6	2.8	161
ANV	53.5	2,233,595	-4	TIÊU CỰC	6,801	25.1	2.7	119
PC1	38.6	2,820,300	-4	TIÊU CỰC	9,077	11.9	1.9	109
IDI	21.5	4,616,785	-4	TIÊU CỰC	4,894	15.5	1.5	99
VSC	44	971,085	-4	TIÊU CỰC	4,851	12.0	1.8	43
CMX	16.7	2,361,155	-4	TIÊU CỰC	1,517	11.2	1.4	39
DCM	31.85	7,200,905	-5	TIÊU CỰC	16,861	5.6	1.9	229
VIC	73.6	1,829,480	-5	TIÊU CỰC	280,706	#N/A N/A	2.7	135
DPM	48.9	5,124,450	-7	TIÊU CỰC	19,136	3.8	1.6	251
ITA	7.72	7,508,035	-7	TIÊU CỰC	7,244	32.8	0.7	58

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Phó Thủ tướng: Dự kiến GDP quý II tăng 6,38%

Theo đặc phái viên TTXVN, trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Hungary của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, chiều 27/6, theo giờ địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đại sứ quán Việt Nam tại Hungary phối hợp với Cục Xúc tiến Xuất khẩu Hungary (HEPA), Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu tại Việt Nam (CEEC) và EuroCham tổ chức Tọa đàm Kinh tế-Thương mại-Đầu tư Việt Nam-Hungary. Phát biểu tại tọa đàm, thay mặt Đoàn, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành nhấn mạnh sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Theo đó, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2016-2021 đạt bình quân 6%. Năm 2021 mặc dù do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng tốc độ tăng trưởng GDP đạt 2,58% (một trong số ít quốc gia trên thế giới có tăng trưởng kinh tế dương)...Đặc biệt, Việt Nam là một trong 6 quốc gia có tỷ lệ bao phủ vaccine cao nhất thế giới. Các hoạt động kinh tế-xã hội đã trở lại bình thường. Sáu tháng đầu năm 2022 tốc độ tăng trưởng GDP ước khoảng 6,38%, dự kiến cả năm 2022 GDP tăng trưởng 6,5-7%. Kinh tế vĩ mô ổn định, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của nhân dân được cải thiện. Các công trình trọng điểm quốc gia đang được quan tâm đầu tư, giai đoạn 2021-2025, Việt Nam sẽ đầu tư khoảng 2.000km đường bộ cao tốc với tổng nguồn lực gần 20 tỷ USD.

LCG: sắp phát hành hơn 17 triệu cp trả cổ tức

CTCP Lizen (HOSE: LCG) chốt quyền trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu. Cụ thể, LCG dự kiến phát hành hơn 17 triệu cp trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông với tỷ lệ 10% (sở hữu 10 cp sẽ nhận 1 cp mới). Nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021. Cổ phiếu này được tự do chuyển nhượng. Thời gian dự kiến phát hành là quý 3/2022, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Nếu giao dịch thành công, LCG sẽ lưu hành với hơn 191 triệu cp. Vốn điều lệ công ty sẽ tăng lên mức 1,897 tỷ đồng.

PET: Doanh thu 6 tháng ước đạt 8,700-9,000 tỷ đồng

"Với doanh số và lợi nhuận tăng trưởng như vừa qua, nếu giữ nguyên vốn thì Petrosetco sẽ đối mặt với bài toán khó khăn trong việc vay vốn để thúc đẩy tăng trưởng, đáp ứng cho các nhà cung ứng", Chủ tịch Phùng Tuấn Hà cho biết tại ĐHCĐ thường niên 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco, HOSE: PET) được tổ chức vào sáng ngày 28/06. Sau 6 tháng đầu năm, Petrosetco đạt doanh thu 8,700-9,000 tỷ đồng, còn lợi nhuận gộp của 6 tháng đầu năm ước khoảng 160 tỷ đồng, tăng trưởng 6-7% so với cùng kỳ. Năm nay, thị trường điện thoại và laptop tương đối khó khăn so với năm 2021. Nhiều thương hiệu đang gặp nhiều khó khăn, nhưng PET vẫn sẽ bù bằng cái khác. Kết quả 6 tháng vẫn còn tăng trưởng so với cùng kỳ. Tuy nhiên, nếu đặt ra kế hoạch năm 2022 như hiện tại, kết quả 6 tháng như thế vẫn chưa đạt. Chúng tôi sẽ cố gắng cân đối hiệu quả từ các hãng.

NVL: lấy ý kiến thay đổi cơ cấu HĐQT và điều chỉnh kế hoạch chia cổ tức

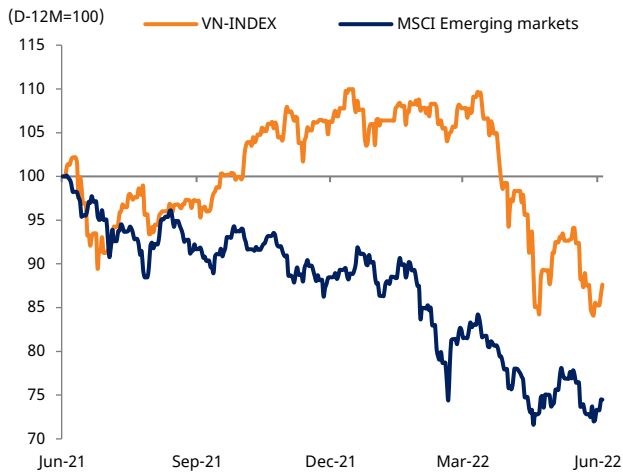
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland - HoSE:NVL) thông báo ngày 7/7 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản. Thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 18/7 đến 28/7. Nội dung lấy ý kiến gồm thông qua đơn từ nhiệm Thành viên độc lập HĐQT của ông Lê Quốc Hùng; thay đổi số lượng, cơ cấu HĐQT và bầu bổ sung Thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2021-2027. Cùng với đó, HĐQT cũng lấy ý kiến cổ

đồng việc điều chỉnh một số nội dung về chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% tương đương giá trị 1.930 tỷ đồng đã được ĐHĐCĐ thường niên năm nay.

HAX: chốt quyền chia cổ tức tổng tỷ lệ 20%

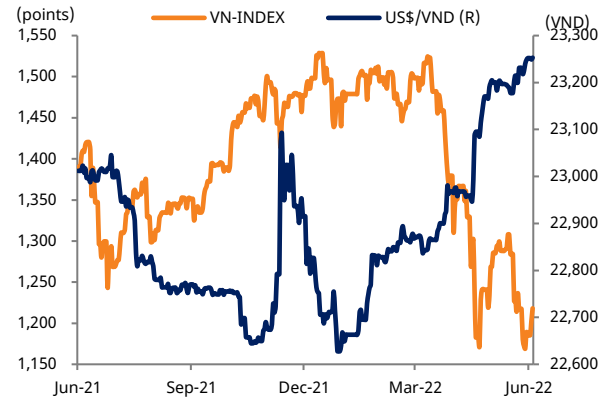
CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (HOSE: HAX) thông báo chốt danh sách chia cổ tức năm 2021 bằng tiền và cổ phiếu vào ngày 22/07, tổng tỷ lệ 20%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 21/07. Cụ thể, Công ty sẽ chia cổ tức năm 2021 cho cổ đông bằng tiền với tỷ lệ 5% (sở hữu 1 cp sẽ nhận 500 đồng). Ngày thanh toán là 08/08. Với hơn 49.5 triệu cp đang lưu hành, ước tính HAX cần chi gần 25 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Song song đó, Công ty dự kiến phát hành hơn 7.4 triệu cp để chia cổ tức năm 2021 cho cổ đông với tỷ lệ 15% (sở hữu 100 cp sẽ nhận 15 cp mới). Nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



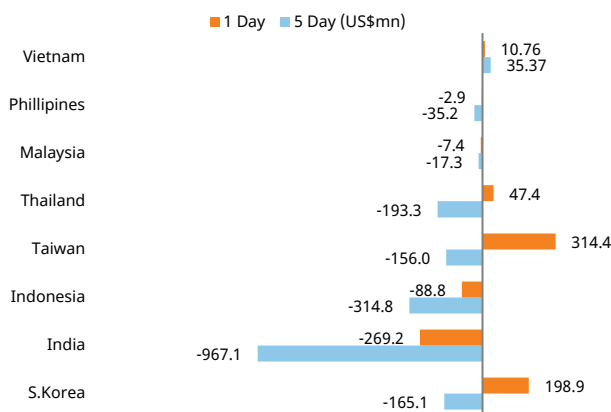
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



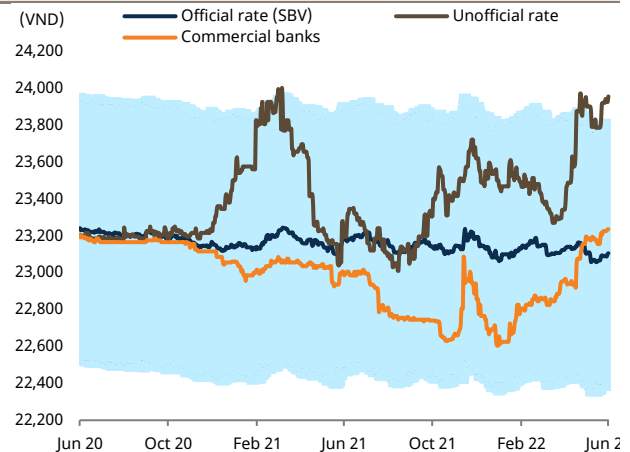
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



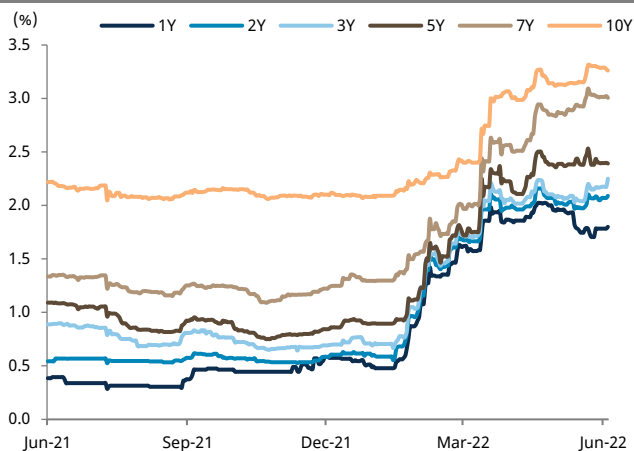
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



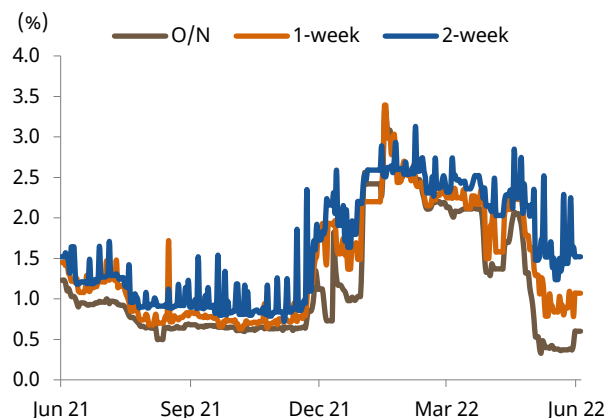
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,273.41	3,344,623		1.3	2.6	-4.7	-16.3	11.9	10.7	2.3	1.9	38.5	11.2	19.6	20.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,500	82,747	37.5	2.3	3.2	-3.7	-16.6	8.8	7.9	1.8	1.5	24.6	11.5	23.5	24.9
BIDV	BID VN	33,650	170,219	16.9	6.0	8.5	-4.7	-9.8	19.5	12.8	2.0	1.8	50.3	52.4	11.0	16.1
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,300	41,793	26.5	2.2	6.8	5.0	-6.2	22.0	17.6	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	11.0
VietinBank	CTG VN	26,700	128,314	26.3	4.3	5.7	-1.1	-36.7	9.1	6.2	1.4	1.1	18.2	47.6	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	89,700	98,404	49.0	3.7	4.9	-3.7	25.6	24.8	18.5	5.4	4.8	21.5	33.4	23.4	26.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	116,000	222,018	2.9	1.4	-0.7	5.5	22.1	26.6	17.2	4.3	3.8	8.1	54.6	16.8	22.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,500	94,000	0.5	0.6	3.5	-7.8	-35.3	22.6	19.3	2.0	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	24,250	48,796	17.0	3.9	3.2	-6.0	-15.8	8.0	6.5	1.7	1.3	42.5	22.1	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	22,500	130,833	20.7	-1.7	3.2	-17.5	-44.2	4.1	4.4	1.4	1.1	151.5	-7.9	42.8	28.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	39,250	25,235	32.2	0.5	3.0	-7.8	5.7	21.9	18.3	2.5	2.2	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	24,700	93,325	23.2	2.5	2.7	-11.8	-22.6	7.4	5.9	1.6	1.2	53.0	24.1	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	114,000	162,305	28.7	0.9	3.6	3.6	25.6	18.8	24.7	4.9	4.1	589.7	-23.8	35.1	18.2
Mobile World Investment Corp	MWG VN	72,800	106,558	48.8	1.8	0.4	-0.7	50.1	21.1	17.9	5.1	4.5	18.2	17.7	27.3	27.0
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	75,100	146,428	6.1	-4.7	0.3	-4.2	-18.0	41.3	28.4	4.1	3.7	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,000	35,597	2.4	0.8	1.5	-2.4	-23.6	19.8	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	41,800	53,111	17.3	0.7	2.7	-1.9	-26.8	23.4	19.5	2.1	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	129,500	31,386	49.0	0.0	7.5	5.9	32.0	30.9	20.9	4.9	3.7	-2.6	47.4	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,900	32,552	2.2	0.4	0.0	4.1	14.4	18.4	16.7	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.3
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	157,100	100,745	62.7	0.2	2.4	2.0	-8.2	28.6	22.8	4.7	4.3	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	19,600	29,207	34.4	-1.3	5.9	-30.3	-41.4	8.0	8.5	1.4	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Sacombank	STB VN	22,550	42,512	21.3	4.9	5.9	1.3	-25.3	13.8	12.9	1.2	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	36,700	128,851	22.5	3.2	2.1	-2.0	-31.5	7.1	6.0	1.4	1.1	46.1	20.0	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	27,600	43,656	29.9	3.4	4.2	-14.6	-1.0	8.5	11.9	1.7	1.4	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	76,300	361,091	23.5	1.9	0.5	-1.4	-13.5	18.2	13.6	3.3	2.6	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	63,800	277,809	23.4	0.5	0.9	-8.5	-28.2	7.1	8.7	2.2	1.8	40.9	-18.3	36.9	22.8
Vingroup JSC	VIC VN	73,600	280,706	12.3	-0.3	-0.8	-5.6	-29.0	#N/A	241.6	2.7	2.7	-145.6	144.5	-2.8	1.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	133,000	72,034	16.8	0.0	3.7	4.7	15.2	956.8	58.6	4.3	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	70,800	147,969	54.4	-0.4	0.1	-3.0	-20.6	15.7	16.1	4.5	4.3	-5.3	-2.9	29.3	28.1
VPBank	VPB VN	30,000	133,364	17.4	3.8	5.4	-3.5	-20.6	11.3	6.5	1.7	1.3	11.6	73.2	17.9	21.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,850	65,556	31.1	0.3	2.9	-3.2	-9.3	49.9	29.5	2.1	2.0	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	15.28	4,778,896	1.3	2.5	-5.2	-13.4	35.2	17.5	14.1	12.0
Ô tô và phụ tùng	0.03	9,003	1.2	3.3	-0.7	15.1	-0.3	32.4	15.0	11.3
Ngân hàng	12.98	1,490,857	3.5	3.7	-4.0	-17.5	32.1	28.8	10.7	8.3
Xây dựng cơ bản	1.12	228,814	2.0	3.7	-7.4	28.2	19.9	31.3	13.2	10.1
Dịch vụ thương mại	0.03	5,779	2.1	7.5	8.8	28.5	-5.1	33.5	17.2	12.9
May mặc và trang sức	0.07	54,789	0.5	5.8	-1.3	18.8	11.7	61.0	17.9	11.1
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	7,528	0.5	3.4	-1.0	1.3	1798.5	165.3	76.8	28.9
Dịch vụ tài chính	-0.08	110,156	-0.2	7.4	-20.6	-16.8	143.8	10.5	6.7	6.0
Dầu khí	0.23	72,090	1.2	3.1	-3.9	-20.2	83.2	9.1	21.6	19.8
Thực phẩm, đồ uống	0.25	530,220	0.2	2.0	0.0	6.9	28.6	14.5	19.9	17.4
Y tế	0.00	3,073	0.1	0.1	-2.7	54.5	65.3	13.9	22.3	19.6
Bảo hiểm	0.26	55,591	1.8	5.9	3.8	3.3	28.2	-2.5	18.3	18.8
Nguyên vật liệu	-0.76	386,802	-0.6	1.9	-10.3	-4.1	118.0	-3.5	6.2	6.4
Dược phẩm	0.03	28,690	0.4	1.2	-5.8	-4.1	7.4	5.1	15.5	14.7
Bất động sản	-0.64	1,053,207	-0.2	1.2	-7.3	-16.2	8.0	10.2	19.1	17.3
Bán lẻ	0.67	125,541	2.1	1.0	-0.2	86.8	33.8	24.1	11.7	9.5
Phần mềm và dịch vụ	0.92	105,776	3.4	5.2	-3.7	29.2	22.6	23.3	21.2	17.2
Vận tải	-0.05	186,277	-0.1	3.1	-2.9	15.4	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	0.81	356,523	0.9	-0.3	4.3	22.6	10.1	16.8	20.0	17.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
BID VN	33,650	6.0	2,412,700	2.5
VCB VN	76,300	1.9	1,095,800	1.7
CTG VN	26,700	4.3	8,843,000	1.4
VPB VN	30,000	3.8	12,179,100	1.3
TCB VN	36,700	3.2	5,342,500	1.1
FPT VN	89,700	3.7	2,296,600	0.9
GAS VN	116,000	1.4	798,300	0.8
VIB VN	22,100	6.8	1,753,800	0.8
EIB VN	33,550	6.7	273,300	0.7
MBB VN	24,700	2.5	12,393,600	0.6

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	75,100	-4.7	4,116,100	-1.9
HPG VN	22,500	-1.7	17,838,300	-0.6
DCM VN	31,850	-4.9	9,398,900	-0.2
VIC VN	73,600	-0.3	2,228,300	-0.2
VNM VN	70,800	-0.4	3,037,200	-0.2
ITA VN	7,720	-7.0	4,095,700	-0.1
ANV VN	53,500	-7.0	3,721,300	-0.1
DGC VN	118,700	-1.1	1,880,900	-0.1
SSI VN	19,600	-1.3	13,211,000	-0.1
VCI VN	35,000	-2.8	3,137,600	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.